

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48/2024/DS-ST**  
Ngày: 27-6-2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp  
hụi*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Diệp

2. Bà Phạm Thị Em

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên  
tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 394/2023/TLST-DS ngày 27/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Kim A**, sinh năm 1951; Trú tại: Số A, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Anh T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1962; Trú tại: Số G, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Ngô Quốc N1**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số H, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2020 đến năm 2021, bà Đoàn Thị Kim A có tham gia chơi hụi do bà Võ Thị N làm chủ, cụ thể:

*Dây 1:* Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2020, mãn ngày 20/11/2022, 30 phần, mỗi tháng khai 01 lần, bà A tham gia 01 phần, bà A đóng hụi đến ngày 20/9/2022 thì hốt hụi với số tiền được hốt là 79.500.000 đồng, bà N đã giao được 31.000.000 đồng, còn nợ lại 48.500.000 đồng.

*Dây 2* Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 28/01/2021, mãn ngày 28/5/2023, 29 phần, mỗi tháng khai 01 lần, bà A tham gia 02 phần. Bà A đóng hụi đến ngày 07/01/2022 thì hốt hụi phần 01 với số tiền được hốt là 55.500.000 đồng, bà N đã giao được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 45.500.000 đồng. Phần 2 bà A hốt cuối dây hụi với số tiền là 85.500.000 đồng, bà N giao tiền được 43.000.000 đồng, còn nợ là 42.500.0000 đồng.

Các dây hụi bà N đều có viết giấy tay xác nhận số tiền hụi còn nợ. Tổng cộng số tiền bà Võ Thị N còn nợ lại bà Đoàn Thị Kim A là 136.500.000 đồng, bà N cam kết đến ngày 31/8/2023 sẽ trả hết cho bà A. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, bà N không trả tiền hụi mặc dù bà A nhiều lần liên hệ đòi tiền.

Bà Đoàn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu một mình bà Võ Thị N trả số tiền hụi còn nợ là gốc là 136.500.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày thụ lý (27/12/2023) cho đến ngày xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

***Theo biên bản hòa giải ngày 09/01/2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Bà N xác định bà Kim A không có tham gia chơi hụi của bà N, trước đây bà N có tổ chức chơi hụi nhưng nghỉ nay đã lâu. Đối với các tờ giấy do nguyên đơn cung cấp không phải chữ viết của bà N, bà N không biết các tờ giấy này. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa.

***Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre:***

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Võ Thị N trả số tiền hụi còn nợ bao gồm tiền gốc và lãi là 143.297.700 đồng; ghi nhận không yêu cầu chồng bà N liên đới trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị N được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Võ Thị N có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Đoàn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu một mình bà Võ Thị N trả số tiền hụi gốc còn nợ là 136.500.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày thụ lý (27/12/2023) cho đến ngày xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Đoàn Thị Kim A cung cấp tờ giấy tập viết tay có dòng đầu tiên ghi “Hụi 3000.000 khai ngày 20,7 2020” có dòng cuối ghi “còn thiếu lại 48.500.000”; tờ giấy lịch viết tay có dòng đầu tiên ghi “Hụi 3000.000 khai ngày 28/1/2021 Tổng số 29ph”, dòng thứ 2 ghi “chết 19 phần = 57000.000”, dòng cuối ghi “còn thiếu lại 45.500.000 chị N”; tờ giấy lịch viết tay có dòng đầu tiên ghi “Hụi 3000.000 khai ngày 28/1/2021 Tổng số 29ph”, dòng thứ 2 ghi “chết 29<sup>p</sup> = 87000.000”, dòng cuối ghi “Ngâu còn thiếu lại chị 2 88.000.000”. Đại diện theo ủy quyền của bà N xác định bà Kim A không có tham gia chơi hụi của bà N, các tờ giấy do nguyên đơn cung cấp không phải chữ viết của bà N, bà N không biết các tờ giấy này. Căn cứ các biên bản xác minh vào ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với bà Đỗ Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị Diễm K, bà Phạm Thị N2, bà Nguyễn Cao Thị Lệ K1, bà Đỗ Thị Mộng M đều xác định bà Đoàn Thị Kim A có chơi hụi do bà N làm chủ chung với những người này. Tại Kết luận giám định số 199/2024/KL-KTHS ngày 28/3/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) do cùng một người viết ra (bao gồm chữ viết “ngâu”/“Ngâu”).

2. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ viết mang tên Võ Thị N dưới mục “Người nhận” trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người viết ra (bao gồm chữ viết “ngâu”/“Ngâu”).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định bà Võ Thị N còn nợ bà Đoàn Thị Kim A số tiền hụi gốc còn nợ là 136.500.000 đồng;

[5] Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày thụ lý đến khi xét xử xong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi chậm trả từ ngày thụ lý vụ án (ngày 27/12/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/6/2024) là 06 tháng, do đó tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là  $136.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 6.797.700 \text{ đồng}$ .

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim A, buộc một mình bà Võ Thị N trả cho bà Đoàn Thị Kim A tổng số tiền là 143.297.700 đồng, bao gồm: số tiền gốc là 136.500.000 đồng và tiền lãi là 6.797.700 đồng

[7] Về chi phí giám định là 2.400.000 đồng do bà Đoàn Thị Kim A thực hiện việc tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Võ Thị N có nghĩa vụ trả lại số tiền 2.400.000 đồng cho bà Đoàn Thị Kim A.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Mặc dù bà Võ Thị N là người cao tuổi nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 357; Điều 468; Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 18; Điều 22; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ;
- Điều 12; Điều 14; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim A đối với bà Võ Thị N về việc tranh chấp hợp đồng góp hội. Buộc bà Võ Thị N có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Kim A số tiền hội nợ gốc là 136.500.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi là 6.797.700 (Sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng. Tổng cộng số tiền bà Võ Thị N có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Kim A là 143.297.700 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

**2.** Về chi phí giám định: Bà Võ Thị N có nghĩa vụ trả lại số tiền 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm nghìn) đồng cho bà Đoàn Thị Kim A.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Thị N phải chịu là 7.164.885 (Bảy triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng.

**4 Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND X. An Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**